

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2022

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Thuận.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Nga.

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Liên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Tốt- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Hồng G, sinh năm 1993; *nơi cư trú:* Số A, đường số B, thôn C, xã NC, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn C, sinh năm 1987; *nơi cư trú:* Số D, đường số Đ, thôn E, xã NC, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt chị G, vắng mặt anh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 02 năm 2022, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Hồng G trình bày: Chị và anh Lê Văn C tự nguyện tìm hiểu và đi

đến kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NC, huyện DL, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C thường hay uống rượu bên ngoài và chơi cờ bạc, anh C không lo làm ăn và không quan tâm đến gia đình, còn mẹ chồng thì đối xử hà khắc với chị. Do chung sống không có hạnh phúc nên chị và anh C đã sống ly thân từ ngày 22/12/2021 âm lịch cho đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau; đời sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn C.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh lập ngày 31/3/2022 có trong hồ sơ vụ án, bà Lê Thị H là mẹ ruột anh Lê Văn C cung cấp thông tin như sau: Anh C và chị G là vợ chồng, chung sống với nhau gần được 10 năm. Nguyên nhân chủ yếu vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn là do không có con chung và mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình. Anh C đã nhận được các văn bản của Tòa án mời, nhưng vì anh C phải đi làm ăn xa ở Phú Quốc nên không thể đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn anh Lê Văn C không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật TTDS. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật TTDS.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: Năm 2012, chị Võ Thị Hồng G kết hôn với anh Lê Văn C, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NC. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh C không lo làm ăn, ham mê rượu chè, cá độ, vợ chồng chưa có con chung. Xét thấy,

vợ chồng anh chị không còn sống chung với nhau, chị G không còn tình cảm yêu thương với anh C, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Lê Văn C nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và theo giấy chứng nhận kết hôn số 64/2012, quyền số 01/2012 cấp ngày 03/8/2012 của Ủy ban nhân dân xã NC, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận. Thấy rằng, hôn nhân giữa chị Võ Thị Hồng G và anh Lê Văn C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh C không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án, tuy nhiên căn cứ vào biên bản xác minh lập ngày 31/3/2022, đã thể hiện: Anh C đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh gửi cho anh. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh chị không có con chung và mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị G và anh C là thực tế. Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để cho vợ chồng anh chị được đoàn tụ, tiếp tục chung sống với nhau, tuy nhiên anh C vẫn không đến Tòa án để làm việc. Điều này chứng tỏ anh C cũng không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này. Vì vậy, căn cứ

vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị G là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị G và anh C chưa có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị G là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐL.

[2.5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**1/ Về hôn nhân:** Chị Võ Thị Hồng G ly hôn anh Lê Văn C.

**2/ Về con chung:** Chị G và anh C chưa có con chung.

**3/ Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4/ Về án phí:** Chị Võ Thị Hồng G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009144 ngày 16/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐL. Chị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**5/ Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (16/5/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án**

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện ĐL,
- Chi cục THA dân sự huyện ĐL,
- UBND xã NC, ĐL, Bình Thuận,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Thuận**